

Số: /TB-CCTT&BVTV

Vĩnh Phúc, ngày tháng 12 năm 2021

THÔNG BÁO
TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI CÂY TRỒNG 7 NGÀY
(Từ ngày 08/12 đến ngày 14/12/2021)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Trong tuần thời tiết đêm và sáng sớm lạnh. Lượng mưa đo được tại Vĩnh Yên 0,1 mm (thấp hơn CKNT). Nhiệt độ trung bình 14,1⁰C (thấp hơn CKNT), cao nhất 24⁰C, thấp nhất 13⁰C.

Âm độ trung bình 40 - 50% (thấp hơn CKNT).

Số giờ nắng đạt 45 - 50 giờ (cao hơn CKNT).

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Diện tích gieo trồng vụ Đông 2021 là: 14.903,3 ha, trong đó:

- Mạ: 64,3 ha (2 - 3 lá)
- Ngô: 5.891,4 ha (thâm râu – thu hoạch).
- Đậu tương: 500 ha (chắc quả - thu hoạch).
- Lạc: 197,2 ha (chắc hạt – thu hoạch).
- Khoai lang: 1.428 ha (tạo củ).
- Rau: 5.090,5 ha (các giai đoạn).
- Cây khác: 1.797,2 ha (các giai đoạn).

Thời tiết trong tuần thuận lợi cho sinh trưởng phát triển của cây trồng

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI 7 NGÀY QUA

Trưởng thành vào bẫy đèn (con/đèn/đêm): Sâu đục thân 2 chấm 0,39 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 6 con (Lập Thạch). Rầy nâu 0,84 con (thấp hơn kỳ trước), nơi cao 9 con (Lập Thạch); Rầy lưng trắng 0,4 con, nơi cao 5 con (Sông Lô). Rầy xanh đuôi đen 0,2 con (tương đương kỳ trước), nơi cao 2 con (Sông Lô, Bình Xuyên). Sâu cuốn lá nhỏ 0,08 con (thấp hơn kỳ trước), nơi cao 1 con (Lập Thạch);

1. Cây rau, màu

- Trên cây ngô: Sâu đục thân gây hại cục bộ mật độ phổ biến từ 0,3 – 1 % CH, nơi cao từ 3 – 6 % CH (Bình Xuyên, Vĩnh Yên). Bệnh đốm lá trên cây ngô gây hại cục bộ mật độ phổ biến từ 0,5- 5% LH, nơi cao từ 10 - 15 % LH (Sông

Lô, Bình Xuyên, Sông Lô, Phúc Yên). Rệp gây hại cục bộ mật độ hại phổ biến từ 1 – 0,5% CH, nơi cao từ 1 - 5 % CH (Bình Xuyên). Bệnh gỉ sắt gây hại rải rác mật độ phổ biến từ 2 - 9% LH, nơi cao từ 20 - 26% LH (Yên Lạc, Bình Xuyên, Phúc Yên, Vĩnh Yên, Tam Dương). Bệnh khô vằn gây hại cục bộ mật độ hại phổ biến từ 2 - 4 % CH, nơi cao từ 10 - 20 %CH (Yên Lạc, Sông Lô, Bình Xuyên, Vĩnh Yên). Chuột gây hại rải rác mật độ phổ biến từ 0,5 – 1 %CH, nơi cao từ 3 -7 %CH (Vĩnh Yên, Bình Xuyên). Ngoài ra có sâu keo mùa thu gây hại rải rác.

- Trên cây rau thập tự: Bọ nhảy gây hại nhẹ, mật độ phổ biến 2 - 5 con/m², cao 10 - 20 con/m² (Tam Dương, Phúc Yên, Bình Xuyên); sâu xanh gây hại rải rác, mật độ phổ biến 0,5 - 1 con/m², nơi cao từ 3 – 6 con/m² (Tam Dương, Bình Xuyên). Sâu tơ gây hại nhẹ mật độ phổ biến từ 1 – 3 con/m², nơi cao từ 7 - 10 con/m² (Tam Đảo, Tam Dương). Ngoài ra có sâu khoang gây hại rải rác. Ngoài ra có sâu khoang và bệnh sương mai gây hại rải rác.

- Trên cây su su có bệnh sương mai gây hại cục bộ, mật độ phổ biến 1,2 %LH, nơi cao 18%LH (Tam Đảo).

- Trên cây mướp Xuân Sớm có sâu đục thân hai chấm gây hại cục bộ mật độ 0,05 %DH, nơi cao 0,2%DH (Sông Lô).

3. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)

- Cây nhãn, vải: Bọ xít, bệnh sương mai, bệnh thán thư gây hại nhẹ.

- Cây xoài: Bệnh thán thư gây hại nhẹ.

4. Cây lâm nghiệp (thông, keo): Sâu róm thông, sâu kền nhỏ gây hại nhẹ.

III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TỪ NGÀY 15/12 - 21/12/2021

1. Cây rau, màu

- Trên rau thập tự: Bọ nhảy, sâu khoang, sâu xanh, sâu tơ tiếp tục gây hại nhẹ (Yên Lạc, Bình Xuyên, Tam Dương).

- Trên cây ngô: Bệnh gỉ sắt, khô vằn, đốm lá hại cục bộ.

2. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)

- Cây nhãn, vải: Bọ xít, bệnh sương mai, bệnh thán thư gây hại nhẹ

- Cây xoài: Bệnh thán thư hại nhẹ.

IV. ĐỀ NGHỊ VÀ CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ

1. Trạm Trồng trọt & BVTV các huyện, thành phố tăng cường phối hợp chặt chẽ với phòng Nông nghiệp & PTNT (Kinh tế), trạm Khuyến nông trên địa bàn đơn đốc UBND các xã, phường, thị trấn, HTX dịch vụ nông nghiệp tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn nông dân thực hiện:

- Chăm sóc mướp Xuân sớm, giữ ấm cho mướp; chú ý bệnh đạo ôn, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân xuất hiện gây hại.

- Tăng cường cày bừa, làm giâm, phơi ải đất chuẩn bị gieo trồng vụ Đông xuân để hạn chế nguồn sâu, bệnh gây hại.

- Chăm sóc cây vụ Đông, bón phân cân đối để cây khỏe, sinh trưởng phát triển tốt nhằm hạn chế sinh vật gây hại. Khi có sinh vật gây hại vượt ngưỡng cần khuyến cáo nông dân sử dụng các loại thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học, thảo mộc để phun phòng chống đảm bảo an toàn cho người sử dụng, ít ảnh hưởng đến môi trường.

- Thực hiện thường xuyên các biện pháp thủ công: Ngắt ổ trứng sâu, bẫy bắt chuột khi chúng có mật độ thấp để hạn chế lây lan ra diện rộng. Chỉ phun phòng trừ các sinh vật gây hại khi có mật độ, tỷ lệ hại đến ngưỡng phòng trừ. Đối với sâu keo mùa thu trên ngô dùng: BT 1600WP, Emaben 0.2EC, Delfin WG, Foton 5.0ME, Clever 300WG; đối với những diện tích rau bị sâu xanh, sâu khoang gây hùnh thuốc Kajio 5WG, Dylan 2 EC, Tập kỳ 1.8EC...; bộ nhảy dùng thuốc Actara 25WG, Bamectin 1.8EC...;; bệnh héo xanh dùng thuốc Benlate C, Xanthomix 20WP, Kasai 21,2WP...

2. Xây dựng và triển khai Phương án BVTV vụ Đông Xuân 2021 - 2022 đến các xã, phường, thị trấn và HTX Dịch vụ nông nghiệp phù hợp với thực tế của địa phương, chủ động phòng trừ dịch hại ngay từ đầu vụ.

3. Tuyên truyền, hướng dẫn nông dân tích cực áp dụng các biện pháp IPM, SRI, VietGAP để cây trồng sinh trưởng, phát triển khỏe, chống chịu tốt với các điều kiện ngoại cảnh bất thuận và sinh vật gây hại, đây là tiền đề cho năng suất cao.

4. Thực hiện tốt công tác quản lý việc buôn bán và sử dụng phân bón, thuốc BVTV; công tác kiểm dịch thực vật nội địa trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Thông báo tình hình sinh vật hại cây trồng 7 ngày (từ ngày 08/12 - 14/12/2021), Chi cục Trồng trọt & BVTV Vĩnh Phúc trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Cục BVTV (b/c);
- VP UBND tỉnh (b/c);
- Sở NN&PTNT (b/c);
- Cục Thống kê tỉnh;
- TT BVTV phía Bắc;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Các đơn vị liên quan;
- Phòng NN&PTNT (Kinh tế) các huyện, thành phố;
- Lưu: BVTV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Anh Tuấn

BẢNG THỐNG KÊ
DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG SINH VẬT HẠI CHÍNH TRÊN CÂY TRỒNG
(Từ ngày 08/12/21 đến ngày 14/12/2021)

Cây trồng	GDST	Sinh vật hại	Mật độ sâu, tỷ lệ hại				Diện tích nhiễm (ha)					DTN so CKNT (ha)	DTPT (ha)	Phân bố
			ĐVT	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng	Nhẹ	TB	Nặng	Mtr			
Ngô	Gieo – xoáy nõn	Sâu keo mùa thu	Con/m ²	3			5	5				-	10	Rải rác
		Khô vằn	%CH	16,67			12	12				-27	9	Rải rác
		Gi sắt	%LH	21,2			15	15				-	12	Rải rác
		Chuột	%CH	4,98			3,5	3,5				+0,5	2,5	Cục bộ
Rau	Các giai đoạn	Bọ nhảy	Con/m ²	20			5	5				-21	5	Cục bộ
		Sâu xanh	Con/m ²	6			5	5				-19	5	Rải rác
		Sâu tơ	Con/m ²	10			2	2				+2	2	Rải rác
Rau su su	PTTL	Sương mai	%CH	18			2	2				-		Cục bộ
Tổng DT nhiễm SB							49,5	49,5					45,5	

Ghi chú: GDST: Giai đoạn sinh trưởng; ĐVT: Đơn vị tính; TB: Trung bình; Mtr: Mất trắng; DTN: Diện tích nhiễm; CKNT: Cùng kỳ năm trước; DTPT: Diện tích phòng trừ; CH: Cây hại, LH: Lá hại.

Cán bộ tổng hợp: KS. Triệu Thị Ngọc Duyên.